

Số: 226/2015/CV-TIE

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu BCTC
6 tháng đầu năm 2015 (Văn phòng)
trước và sau kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2015

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh, các kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã có các bút toán điều chỉnh dẫn đến số liệu trong Báo cáo tài chính sau kiểm toán chênh lệch so với số liệu chúng tôi đã gửi cho Quý Sở. Chúng tôi xin giải thích nguyên nhân của những chỉ tiêu có chênh lệch lớn trong Báo cáo tài chính như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÈNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
1 Chứng khoán kinh doanh	121	1.423.652.470	4.077.331.370	2.653.678.900	Phân loại lại 1 số cổ phiếu từ chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" sang chỉ tiêu "Chứng khoán kinh doanh"
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(969.419.470)	(2.868.023.570)	(1.898.604.100)	Phân loại lại dự phòng của các cổ phiếu phân loại lại từ chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" sang chỉ tiêu "Chứng khoán kinh doanh"
3 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3.542.962.863)	(3.579.427.958)	(36.465.095)	Khi tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho áp dụng tỷ lệ chi phí bán hàng doanh thu khác Kiểm toán viên
4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19.828.388.900	17.174.710.000	(2.653.678.900)	Phân loại lại 1 số cổ phiếu từ chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" sang chỉ tiêu "Chứng khoán kinh doanh"
5 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(5.279.977.678)	(3.381.373.578)	1.898.604.100	Phân loại lại dự phòng của các cổ phiếu phân loại lại từ chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" sang chỉ tiêu "Chứng khoán kinh doanh"
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	6.650.783.751	6.614.318.656	(36.465.095)	Khi tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho áp dụng tỷ lệ chi phí bán hàng doanh thu khác Kiểm toán viên

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU		MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
1	Giá vốn hàng bán	11	135.327.660.305	135.364.125.400	36.465.095	Do thay đổi số liệu tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.650.783.751	6.614.318.656	(36.465.095)	Do thay đổi số liệu tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU		MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
			Theo phương pháp trực tiếp	Theo phương pháp gián tiếp		

Giải trình bổ sung (nếu cần thiết): không có.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Khả

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**Tổng Giám Đốc
VŨ QUỐC VINH**



Số: 229/2015/CV-TRE

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2015

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế
 của Báo cáo tài chính vẫn phòng
 6 tháng đầu năm 2015 (Kiểm
 toán)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE** giải trình sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014 trong Báo cáo tài chính Vẫn phòng như sau:

CHỈ TIÊU	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	165.453.729.348	198.889.751.907	(33.436.022.559)	-20,21%
Tổng chi phí	158.839.410.692	190.533.416.586	(31.694.005.894)	-19,95%
Lợi nhuận trước thuế	6.614.318.656	8.356.335.321	(1.742.016.665)	-26,34%
Lợi nhuận sau thuế	6.614.318.656	8.356.335.321	(1.742.016.665)	-26,34%

- Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015 giảm 33.436 triệu đồng (20,21%) so với cùng kỳ năm 2014, trong đó doanh thu thuần bán hàng giảm 31.592 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính giảm 20.631 triệu đồng, thu nhập khác tăng 18.786 triệu đồng.

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2015 giảm 31.694 triệu đồng (19,95%) so với cùng kỳ năm 2014, trong đó giá vốn hàng bán giảm 28.315 triệu đồng, chi phí tài chính giảm 1.750 triệu đồng, chi phí bán hàng giảm 292 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 2.145 triệu đồng, chi phí khác tăng 808 triệu đồng.

- Từ các lý do nêu trên dẫn tới lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước 1.742 triệu đồng (26,34%)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 Ký tên đóng dấu



Tổng Giám Đốc
VŨ QUỐC VINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

VĂN PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 47
8. Phụ lục	48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 16 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 95.699.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	6.699.000	66.990.000.000	70
Các cổ đông khác	2.870.900	28.709.000.000	30
Cộng	9.569.900	95.699.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 330 855 - 38 393 054

Fax : 38 332 754

Mã số thuế : 030 117 3454

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

Xí nghiệp Cơ điện TIE

Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Phú Quốc

Số 249 – 251, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội

Số 133, phố Lê Thanh Nghị, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ

Số 29D, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Đà Nẵng

Số 360, đường Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

Buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

Điều hành tua du lịch. Chi tiết:

- Điều hành tua du lịch,

- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;

Vận tải hành khách đường bộ khác;

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường hàng không); Đại lý du lịch;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng,
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế,
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng,
- Kinh doanh thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại),
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử - viễn thông,
- Mua bán thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nghiệp;

Sửa chữa thiết bị liên lạc (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (không hoạt động tại trụ sở);

Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (không hoạt động tại trụ sở);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết:

- Lưu giữ hàng hóa,
- Đại lý ký gửi hàng hóa;

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế các mặt hàng điện tử dân dụng;

Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: sản xuất, gia công lắp ráp các mặt hàng điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:

- Kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng,
- Mua bán tư liệu sản xuất hóa chất, vật tư, nguyên phụ liệu,
- Mua bán phương tiện vận tải và phụ tùng,
- Mua bán các sản phẩm cơ khí,
- Bán buôn sản phẩm bao bì, nút, xốp,
- Bán buôn bột giấy, giấy nguyên liệu;

Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: sản xuất máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại và không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: sản xuất thiết bị lạnh (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: mua bán thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:

- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến,
- Mua bán vật liệu xây dựng;

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:

- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ,
- Mua bán trang trí nội thất, hàng tiêu dùng,
- Bán buôn văn phòng phẩm;

Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: dịch vụ lao động;

Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: thiết lập mạng lưới Internet, cung cấp dịch vụ Internet công cộng;

Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: sản xuất, lắp ráp thiết bị bu chính viễn thông (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn;

Vận tải hành khách đường bộ trong nội bộ thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng taxi theo hợp đồng;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;

Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ truy cập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng; Dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI); Dịch vụ Fax nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu trữ và truy cập; Dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu; Dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng; Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông;

Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế phần mềm máy tính;

Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Chi tiết:

- Tư vấn phần mềm máy tính.
- Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính;

Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán hàng thủy hải sản chế biến;

Bán buôn đồ uống. Chi tiết: mua bán nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất giấy giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: sản xuất bao bì bằng giấy, bìa (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất mút, xốp (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép;

Hoạt động viễn thông có dây;

Hoạt động viễn thông không dây;

Sản xuất linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở);

Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở);

Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng đường thủy;

Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UB và Quyết định 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh);

Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UB và Quyết định 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh);

Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ uống không chứa cồn và đồ uống chứa cồn (rượu, bia);

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm, vàng, bạc, đá quý, sách, báo, tạp chí, băng đĩa);

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ văn phòng phẩm;



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm, dụng cụ y tế);
Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ hoa, cây cảnh; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ), đồng hồ, mắt kính, máy ảnh và vật liệu ảnh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UB và Quyết định số 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh);
Bốc xếp hàng hóa;
Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);
Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011
Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2010
Bà Phạm Thúy Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012
Ông Hoàng Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2014

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Đặng Thị Hoàng Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Chu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009
Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2011

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Quốc Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2010
Ông Lê Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2014
Bà Phạm Thúy Oanh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2008
Ông Trịnh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quốc Vinh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0743A/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh”) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 24 tháng 7 năm 2015, từ trang 08 đến trang 48 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét này thay thế cho Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE tại TP. Hồ Chí Minh đã phát hành số: 0743/2015/BCTC-KTTV ngày 25 tháng 8 năm 2015.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2015

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.396.704.696	267.618.181.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	95.126.210.097	94.627.556.761
1. Tiền	111		15.626.210.097	10.627.556.761
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.500.000.000	84.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.209.307.800	9.259.302.348
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	4.077.331.370	12.311.864.818
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.868.023.570)	(3.052.562.470)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.385.507.766	88.710.494.932
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	109.494.531.356	76.413.017.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.616.677.742	2.496.994.913
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		9.212.192.980	8.486.886.050
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.609.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	29.149.137.491	6.475.243.753
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(8.087.031.803)	(6.886.508.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	115.861.042
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	43.788.426.286	65.876.343.973
1. Hàng tồn kho	141		47.367.854.244	70.886.141.377
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.579.427.958)	(5.009.797.404)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.887.252.747	9.144.483.623
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	963.228.377	195.455.030
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.121.527.295	5.146.531.518
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.802.497.075	3.802.497.075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.865.378.118	107.917.152.964
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		560.000.000	310.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	560.000.000	310.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.161.073.944	23.264.481.924
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.780.635.405	18.526.989.958
- Nguyên giá	222		30.940.183.550	29.945.170.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.159.548.145)	(11.418.180.721)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.380.438.539	4.737.491.966
- Nguyên giá	228		19.049.883.483	5.380.992.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.669.444.944)	(643.500.874)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	11.916.526.443	25.044.277.077
- Nguyên giá	231		13.531.170.316	28.610.873.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.614.643.873)	(3.566.596.753)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.786.448.456	16.910.718.981
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	21.786.448.456	16.910.718.981
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.023.336.422	41.463.336.422
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	2.590.000.000	2.590.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	14.640.000.000	25.080.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	17.174.710.000	17.174.710.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.381.373.578)	(3.381.373.578)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		417.992.853	924.338.560
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	417.992.853	924.338.560
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		405.262.082.814	375.535.334.601

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		148.383.107.935	111.872.818.378
I. Nợ ngắn hạn	310		146.383.107.935	109.872.818.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	32.918.851.938	20.813.966.032
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.335.528.238	188.218.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	242.567.198	162.636.783
4. Phải trả người lao động	314		14.958.271	501.190.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	253.657.170	2.924.577.805
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		1.799.475.530	1.799.475.530
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	319	V.17	11.835.293.678	4.107.510.121
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	97.982.775.912	76.212.534.363
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	-	3.162.708.839
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. <i>Trái phiếu chuyển đổi</i>	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.000.000.000	2.000.000.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		256.878.974.879	263.662.516.223
I. Vốn chủ sở hữu	410		256.878.974.879	263.662.516.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	95.699.000.000	95.699.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.699.000.000	95.699.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	147.214.109.765	147.214.109.765
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	13.965.865.114	20.749.406.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.351.546.458	20.749.406.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.614.318.656	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		405.262.082.814	375.535.334.601

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2015


 Người lập biểu
 Huỳnh Bảo Khánh


 Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Oanh


 Tổng Giám đốc
 Vũ Quốc Vinh

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	140.661.284.849	172.297.839.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	584.004.395	628.954.342
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		140.077.280.454	171.668.884.758
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	135.364.125.400	163.679.226.254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.713.155.054	7.989.658.504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.879.348.299	24.510.006.918
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.966.056.077	4.716.512.043
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.595.064.083	3.611.522.500
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.083.089.735	12.374.781.869
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.333.096.134	9.477.645.676
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.789.738.593)	5.930.725.834
11. Thu nhập khác	31	VI.8	21.497.100.595	2.710.860.231
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.093.043.346	285.250.744
13. Lợi nhuận khác	40		20.404.057.249	2.425.609.487
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.614.318.656	8.356.335.321
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.614.318.656</u>	<u>8.356.335.321</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2015



Người lập biểu
Huỳnh Bảo Khánh





Kế toán trưởng
Phạm Thúy Oanh

Tổng Giám đốc
Vũ Quốc Vinh

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.614.318.656	8.356.335.321
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10	731.469.732	1.075.088.462
- Các khoản dự phòng	03	V.2,6,7	(386.081.280)	3.582.003.437
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,5,8,9	(3.748.719.230)	(24.398.571.266)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.595.064.083	3.611.522.300
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.806.051.961	(7.773.621.546)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.083.497.675)	(16.338.821.968)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.518.287.133	(16.641.281.709)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.919.848.966	3.492.248.543
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(164.411.640)	(128.305.633)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.595.064.083)	(3.703.322.801)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.677.785	42.580.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.374.897.958)	(6.221.350.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.970.005.511)	(47.271.875.217)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(4.972.745.475)	(3.782.567.236)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	138.863.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.902.400.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		6.345.192.000	15.680.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	2.105.770.137	24.485.713.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.714.680.298	20.718.825.917

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17,18	96.132.960.595	144.507.396.086
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(73.162.719.046)	(102.245.924.432)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.216.263.000)	(2.795.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.753.978.549	39.465.966.654
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		498.653.336	12.912.917.354
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	94.627.556.761	95.228.037.498
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	95.126.210.097	108.140.954.852

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2015


 Người lập biểu
 Huỳnh Bảo Khánh


 Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Oanh


 Tổng Giám đốc
 Vũ Quốc Vinh

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Đại lý kỹ gửi hàng hóa; mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy, ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty liên quan tới các sản phẩm của Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina chủ yếu là bán nốt lượng hàng còn tồn trong kho của đối tác này. Công ty không còn tiếp tục nhập hàng của đối tác này nữa.

Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - Exim theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2015/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2015. Qua đó, chấm dứt toàn bộ nghĩa vụ và quyền lợi có liên quan trong liên doanh này.

Trong kỳ, Công ty đã bước đầu tham gia vào Thỏa thuận Hợp tác số 30/01/NVLG-TIE/2015/TTHT ngày 30 tháng 01 năm 2015 với Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega về việc hợp tác đầu tư xây dựng Khu phức hợp tại khu đất có diện tích 5.700 m² tại địa chỉ số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Công ty cũng đã ghi nhận một khoản thu nhập trị giá 14.000.000.000 VND có được từ Thỏa thuận Hợp tác trên trong kỳ này.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn có trụ sở tại số 760, đường Điện Biên Phủ, phường 10, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là thiết kế, kinh doanh phần mềm, thiết bị điện tử và máy vi tính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE có trụ sở tại Khu 4, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và bán buôn các sản phẩm tập giấy. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại công ty liên kết này là 49%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cơ điện TIE	Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Phú Quốc	Số 249 – 251, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội	Số 133, phố Lê Thanh Nghị, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ	Số 29D, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Đà Nẵng	Số 360, đường Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có 103 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 94 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê kho, mặt bằng đặt bảng quảng cáo và thuê khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này *chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó*. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 50
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng *chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường* và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại số 249, đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 173,3 m². Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn và không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích từ năm 2013 theo Công văn của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dự hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. *Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.*

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	379.830.762	342.078.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.246.379.335	10.285.478.009
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	79.500.000.000	84.000.000.000
<i>(Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)</i>		
Cộng	95.126.210.097	94.627.556.761

- ⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 44.500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và 35.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	980.000.000	30.000.000	(950.000.000)	980.000.000	30.000.000	(950.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	60.000	60.000	-	60.000	60.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	443.592.470	424.173.000	(19.419.470)	443.592.470	410.490.000	(33.102.470)
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	-	8.182.728.448	8.182.728.448	-
Công ty Cổ phần Vận chuyển Saigon Tourist	396.936.100	187.728.800	(209.207.300)	448.741.100	203.566.400	(245.174.700)
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	2.256.742.800	567.346.000	(1.689.396.800)	2.256.742.800	432.457.500	(1.824.285.300)
Cộng	4.077.331.370	1.209.307.800	(2.868.023.570)	12.311.864.818	9.259.302.348	(3.052.562.470)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình: tăng do nhận cổ tức bằng 3.967 cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam: giảm do bán 730.078 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 8.182.728.448 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận chuyển Saigon Tourist: giảm do bán 5.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 51.805.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(3.052.562.470)	(3.241.045.670)
Hoàn nhập dự phòng	184.538.900	93.561.270
Số cuối kỳ	(2.868.023.570)	(3.147.484.400)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	2.590.000.000	-	2.590.000.000	2.590.000.000	-	2.590.000.000
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	2.590.000.000	-	2.590.000.000	2.590.000.000	-	2.590.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	14.640.000.000	-	14.640.000.000	25.080.000.000	-	25.080.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - EXIM	-	-	-	10.440.000.000	-	10.440.000.000
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE ⁽ⁱⁱ⁾	14.640.000.000	-	14.640.000.000	14.640.000.000	-	14.640.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.174.710.000	(3.381.373.578)	13.793.336.422	17.174.710.000	(3.381.373.578)	13.793.336.422
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	8.674.710.000	(3.307.233.750)	5.367.476.250	8.674.710.000	(3.307.233.750)	5.367.476.250
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	8.500.000.000	(74.139.828)	8.425.860.172	8.500.000.000	(74.139.828)	8.425.860.172
Cộng	34.404.710.000	(3.381.373.578)	31.023.336.422	44.844.710.000	(3.381.373.578)	41.463.336.422

- (i) Đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của số 0312554596 ngày 19 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp với số tiền là 4.590.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ. Công ty đã thực góp 2.590.000.000 VND, số vốn còn phải góp là 2.000.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE 14.700.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Đến thời điểm cuối năm 2014, Công ty đã góp 14.640.000.000 VND, còn phải góp 60.000.000 VND.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.381.373.578)	(2.307.878.328)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.073.495.250)
Số cuối kỳ	(3.381.373.578)	(3.381.373.578)

Giao dịch với công ty con và các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh với công ty con và các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn		
Thu lại tiền cho vay	1.000.000.000	-
Lãi tiền cho vay	24.444.443	-
Ứng trước tiền mua hàng	443.520.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM		
Tiền thuê đất	248.771.890	-
Tiền mượn	1.200.000.000	-
Bán hàng hóa	-	3.636.364
Chuyển tiền cho vay thành góp vốn	609.000.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE		
Bán hàng hóa	15.686.173.571	-
Mua hàng hóa	4.668.121.254	-

Cam kết góp vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn, Công ty còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty này với số tiền là 2.000.000.000 VND tương đương 22,22% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE, Công ty còn phải góp vốn điều lệ vào Công ty này với số tiền là 60.000.000 VND tương đương 0,20% vốn điều lệ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	22.892.464.685	12.288.938.519
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	8.178.425.573	10.176.492.519
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE	13.818.943.232	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	273.649.079	-
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên	9.000.801	-
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	612.446.000	2.112.446.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	86.602.066.671	64.124.078.714
Công ty Cổ phần Giấy Hải Dương	16.096.492.668	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Minh Thái	20.317.355.229	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi	14.141.252.565	9.488.080.140
Các khách hàng khác	36.046.966.209	54.635.998.574
Cộng	109.494.531.356	76.413.017.233

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	443.520.000	-
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	443.520.000	-
Trả trước cho người bán khác	16.173.157.742	2.496.994.913
Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục và Giải pháp Công nghệ Vui	1.694.000.000	-
Công ty Cổ phần Người đồng hành	6.933.258.750	-
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	411.944.000	-
Công ty Cổ phần Kết nối Công nghệ Tiên Tiến	1.875.802.500	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Tuổi trẻ Việt	-	150.000.000
Trả trước cho người bán khác	5.258.152.492	2.346.994.913
Cộng	16.616.677.742	2.496.994.913

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	1.865.525.530	-	1.317.201.398	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	1.861.081.086	-	1.317.201.398	-
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	4.444.444	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	27.283.611.961	(3.210.000.000)	5.158.042.355	(3.210.000.000)
Phải thu BHXH thu chi hộ	3.036.670	-	26.615.590	-
Học viện Kỹ thuật quân sự	360.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT	3.210.000.000	(3.210.000.000)	3.210.000.000	(3.210.000.000)
MMD Singapore Pte. Ltd - Chiết khấu phải thu	900.657.255	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Liên Lạc Địa	990.956.787	-	719.882.831	-
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á - Tiền bán cổ phiếu chưa thu và số dư tài khoản	2.724.853.836	-	80.052.361	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.894.663.413	-	-	-
Cục Thi hành án dân sự	50.128.724	-	-	-
Ông Bùi Cao Nhật Quân - Tiền gửi góp vốn theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 6 năm 2015	1.560.000.000	-	-	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Nguyễn Thị Chính - Tiền bán khoản đầu tư	13.500.000.000	-	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	319.962.500	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	102.357.108	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	398.689.119	-	-	-
Các khoản phải thu khác	185.501.784	-	610.583.431	-
Tạm ứng	1.082.804.765	-	510.908.142	-
Cộng	29.149.137.491	(3.210.000.000)	6.475.243.753	(3.210.000.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	560.000.000	-	310.000.000	-
Cộng	560.000.000	-	310.000.000	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		8.178.425.573	8.178.425.573		10.176.492.519	10.176.492.519
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	61 ngày	8.178.425.573	8.178.425.573	132 ngày	10.176.492.519	10.176.492.519
<i>Các tổ chức khác</i>		25.632.525.318	17.701.342.984		27.320.326.019	20.433.817.959
Công ty TNHH An Gia An	274 ngày	3.700.270.812	3.700.270.812	93 ngày	6.400.270.812	6.400.270.812
(Phải thu tiền bán hàng)						
Công ty Cổ phần Viễn thông Thẻ hệ mới NGT	Trên 3 năm	3.210.000.000	-	Trên 3 năm	3.210.000.000	-
(Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp)						
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Quá hạn dưới 3 tháng	15.647.111.184	10.770.079.381	Quá hạn dưới 3 tháng	17.557.171.550	13.880.663.491
Cộng		30.735.807.569	22.648.775.766		37.343.934.881	30.457.426.822

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.886.508.059)	(10.148.889.710)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.200.523.744)	(2.602.069.457)
Số cuối kỳ	(8.087.031.803)	(12.750.959.167)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	130.830.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	552.887.176	-	553.300.247	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	-	94.947.050	-
Thành phẩm	709.018.320	-	1.215.404.043	-
Hàng hóa	46.011.001.698	(3.579.427.958)	68.891.660.037	(5.009.797.404)
Cộng	47.367.854.244	(3.579.427.958)	70.886.141.377	(5.009.797.404)

Giá trị hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ cuối kỳ là 18.691.445.080 VND (số đầu năm là 38.897.753.409 VND).

Giá trị hàng tồn kho tương đương 70.000.000.000 VND được bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh V.19).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.009.797.404)	(5.180.513.938)
Hoàn nhập dự phòng	1.430.369.446	-
Số cuối kỳ	(3.579.427.958)	(5.180.513.938)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hành	75.757.575	189.393.939
Chi phí in lịch, quảng cáo	494.416.667	-
Chi phí thuê kho, nhà	280.203.637	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	48.507.999	-
Chi phí khác	64.342.499	6.061.091
Cộng	963.228.377	195.455.030

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê kho, nhà	92.366.400	369.465.600
Chi phí công cụ, dụng cụ	110.558.679	218.173.255
Chi phí sửa chữa văn phòng	62.378.499	124.756.998
Chi phí quảng cáo du lịch	40.432.000	55.594.000
Chi phí khai trương, thiết kế, trang trí văn phòng du lịch	75.142.125	105.315.375
Chi phí khác	37.115.150	51.033.332
Cộng	417.992.853	924.338.560

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	20.018.470.793	2.051.107.386	6.831.314.587	1.044.277.913	29.945.170.679
Tăng trong kỳ do phân loại lại từ bất động sản đầu tư	1.410.812.871	-	-	-	1.410.812.871
Giảm do thanh lý trong kỳ	-	-	(415.800.000)	-	(415.800.000)
Số cuối kỳ	21.429.283.664	2.051.107.386	6.415.514.587	1.044.277.913	30.940.183.550
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	663.239.929	3.178.101.241
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.103.184.783	740.263.175	2.802.428.636	772.304.127	11.418.180.721
Khấu hao trong kỳ	370.251.570	108.884.810	314.109.726	38.103.801	831.349.907
Tăng trong kỳ do phân loại lại từ bất động sản đầu tư	105.622.356	-	-	-	105.622.356
Giảm do thanh lý trong kỳ	-	-	(195.604.839)	-	(195.604.839)
Số cuối kỳ	7.579.058.709	849.147.985	2.920.933.523	810.407.928	12.159.548.145
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.915.286.010	1.310.844.211	4.028.885.951	271.973.786	18.526.989.958
Số cuối kỳ	13.850.224.955	1.201.959.401	3.494.581.064	233.869.985	18.780.635.405
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.522.500.000	858.492.840	5.380.992.840
Tăng trong kỳ do phân loại lại từ bất động sản đầu tư	13.668.890.643	-	13.668.890.643
Số cuối kỳ	18.191.390.643	858.492.840	19.049.883.483
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	643.500.874	643.500.874
Khấu hao trong kỳ	136.688.904	42.924.642	179.613.546
Tăng trong kỳ do phân loại lại từ bất động sản đầu tư	1.846.330.524	-	1.846.330.524
Số cuối kỳ	1.983.019.428	686.425.516	2.669.444.944
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.522.500.000	214.991.966	4.737.491.966
Số cuối kỳ	16.208.371.215	172.067.324	16.380.438.539
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư*Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá*

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.200.060.959	1.410.812.871	28.610.873.830
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.410.812.871)	(1.410.812.871)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(13.668.890.643)	-	(13.668.890.643)
Số cuối kỳ	13.531.170.316	-	13.531.170.316
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	-	-
Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	3.460.974.397	105.622.356	3.566.596.753
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(105.622.356)	(105.622.356)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.846.330.524)	-	(1.846.330.524)
Giá trị hao mòn cuối kỳ	1.614.643.873	-	1.614.643.873
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.739.086.562	1.305.190.515	25.044.277.077
Số cuối kỳ	11.916.526.443	-	11.916.526.443

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu đất có diện tích 38.887,9 m ² tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	13.531.170.316	(1.614.643.873)	11.916.526.443

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Khu giải trí và hàng lưu niệm tại Phú Quốc	11.380.225.841	3.016.346.678	-	14.396.572.519
Công trình trung tâm điều hành du lịch và hệ thống định vị toàn cầu	5.343.454.546	1.956.398.797	-	7.299.853.343
Chi phí sơn tường Showroom tại Hà Nội	97.016.000	-	(97.016.000)	-
Chi phí định giá đất Bình Chuẩn	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	16.910.718.981	4.972.745.475	(97.016.000)	21.786.448.456

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.228.681.905	218.322.487
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE	1.223.016.157	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	-	212.656.739
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	5.665.748	5.665.748
Phải trả các nhà cung cấp khác	31.690.170.033	20.595.643.545
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	1.085.295.013	13.425.580.675
MMD Singapore Pte Ltd.	7.002.656.600	4.038.439.680
Công ty Cổ phần Giấy Hải Dương	5.086.463.560	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quảng cáo Tuổi trẻ Việt	15.889.450.286	-
Phải trả các nhà cung cấp ngắn hạn khác	2.626.304.574	3.131.623.190
Cộng	32.918.851.938	20.813.966.032

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phong Vũ	139.191.373	-
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Thống Nhất	314.840.500	-
Các khách hàng khác	881.496.365	188.218.405
Cộng	1.335.528.238	188.218.405

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.929.374	-	4.849.883.497	(4.853.812.871)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	626.876	-	168.863.992	(169.490.868)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.802.497.075	-	-	-	3.802.497.075
Thuế thu nhập cá nhân	158.080.533	-	778.555.780	(694.069.115)	242.567.198	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.481.952.500	(1.481.952.500)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.500.000	(5.500.000)	-	-
Cộng	162.636.783	3.802.497.075	7.284.755.769	(7.204.825.354)	242.567.198	3.802.497.075

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu...	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm sẽ được tính cho toàn Công ty và không tính riêng cho Văn phòng TP. Hồ Chí Minh (xem Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tri ân khách hàng	-	352.790.205
Chiết khấu thanh toán đúng hạn	-	493.353.776
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	253.657.170	1.758.006.529
Chi phí điện, mực in, quảng cáo Adata	-	320.427.295
Cộng	<u>253.657.170</u>	<u>2.924.577.805</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.578.600.000</i>	<i>3.349.500.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE EXIM	1.200.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Cổ tức phải trả	9.378.600.000	3.349.500.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.256.693.678</i>	<i>758.010.121</i>
Kinh phí công đoàn	25.456.169	28.666.436
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	52.142.892
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	703.508.857	551.011.857
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	527.728.652	126.188.936
Cộng	<u>11.835.293.678</u>	<u>4.107.510.121</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	55.425.696.714	55.425.696.714	42.727.685.454	42.727.685.454
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Phú Nhuận ⁽ⁱⁱ⁾	42.557.079.198	42.557.079.198	33.484.848.909	33.484.848.909
Cộng	<u>97.982.775.912</u>	<u>97.982.775.912</u>	<u>76.212.534.363</u>	<u>76.212.534.363</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 6 năm 2014, Hợp đồng gia hạn số 15.1870003/2015-HĐTDHM/NHCT900-TIE ngày 08 tháng 7 năm 2015 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.1950011/HĐTCHH-TIE ngày 20 tháng 6 năm 2014 và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này (xem Thuyết minh V.1,7).
- (ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng kèm Hợp đồng bảo đảm tiền vay số 003/03c/TG-KHDN/2013 ngày 25 tháng 3 năm 2014, phụ lục Hợp đồng gia hạn số 003.09/PLHĐ/03c/TG-KHDN/2013 ngày 05 tháng 3 năm 2015 với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ, khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (xem Thuyết minh V.1).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	42.727.685.454	59.398.507.657	(46.700.496.397)	55.425.696.714
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Phú Nhuận	33.484.848.909	35.534.452.938	(26.462.222.649)	42.557.079.198
Cộng	76.212.534.363	94.932.960.595	(73.162.719.046)	97.982.775.912

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.162.708.839	8.284.303.954
Tăng khác	3.500.000	42.580.000
Chi quỹ trong năm	(3.564.897.958)	(6.221.350.103)
Số cuối kỳ	(398.689.119)	2.105.533.851

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên	66.990.000.000	66.990.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	28.709.000.000	28.709.000.000
Số cuối kỳ	95.699.000.000	95.699.000.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức đợt 3 năm 2013 với tỷ lệ là 14% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/BB-DHDCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**21a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công**

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đang nhận giữ hộ hàng hóa các loại hàng hóa của các khách hàng với số lượng như sau:

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Màn hình và linh kiện điện tử	Cái	359	4.642
Tập và sổ	Cuốn	127.169	-

21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	5.417,49	4.219,09

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	
Ông Phạm Văn Hoàng	5.879.892.055	5.879.892.055	5.879.892.055	5.879.892.055	Không có khả năng thu nợ
Các đối tượng khác	1.317.737.655	1.317.737.655	1.317.737.655	1.317.737.655	Không có khả năng thu nợ
Cộng		<u>7.197.629.710</u>		<u>7.197.629.710</u>	

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	130.842.271.267	168.402.989.091
Doanh thu bán thành phẩm	418.489.110	712.340.868
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.400.524.472	3.175.600.051
Doanh thu khác	-	6.909.090
Cộng	140.661.284.849	172.297.839.100

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên (Công ty mẹ)	977.409.770	157.572.127
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	86.958.820	21.857.394.251

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	137.141.564
Hàng bán bị trả lại	584.004.395	491.812.778
Cộng	584.004.395	628.954.342

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	673.443.435	824.497.815
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	134.690.681.965	162.854.728.439
Cộng	135.364.125.400	163.679.226.254

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.405.732.638	3.093.681.953
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.939.774	24.293.765
Lãi/cổ tức các khoản đầu tư	-	21.392.031.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.356.092	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	548.600.000	-
Lãi thanh lý chứng khoán kinh doanh	846.275.352	-
Thu nhập từ lãi cho vay	24.444.443	-
Cộng	3.879.348.299	24.510.006.918

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.595.064.083	3.611.522.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	520.618.464	70.349.368
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	(4.998.322)	52.577.200
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(156.235.578)	979.933.980
Chi phí khác	11.607.430	2.128.995
Cộng	2.966.056.077	4.716.512.043

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.454.244.846	3.881.610.191
Chi phí vật liệu, bao bì	23.988.231	28.732.068
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	99.703.771	220.631.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.134.984	421.946.810
Chi phí bảo hành	153.111.416	122.759.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.994.477.808	2.080.795.601
Giá vốn hàng khuyến mãi	3.097.801.646	656.850.149
Chi phí hỗ trợ đại lý & chiết khấu	2.151.923.557	3.341.213.267
Các chi phí khác	788.703.476	1.620.242.876
Cộng	12.083.089.735	12.374.781.869

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.971.065.308	2.517.742.052
Chi phí vật liệu quản lý	25.750.436	53.285.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.235.670	48.640.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.334.748	517.728.413
Thuế, phí và lệ phí	716.910.000	392.331.909
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.200.523.744	2.602.069.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	585.568.008	700.813.007
Chi phí tiếp tân, khánh tiết	296.822.284	273.010.649
Chi phí trợ cấp thôi việc	102.012.337	23.557.000
Chi phí sử dụng công cụ, tài sản	335.460.541	215.777.864
Các chi phí khác	630.413.058	2.132.689.346
Cộng	7.333.096.134	9.477.645.676

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà cung cấp	6.847.699.830	2.685.236.345
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10 do chưa chuyển giao	248.771.890	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Ngôi nhà Mega	14.000.000.000	-
Thu thanh lý tài sản cố định	138.863.636	-
Các khoản thu nhập khác	261.765.239	25.623.886
Cộng	21.497.100.595	2.710.860.231

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	220.195.161	34.564.687
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10	248.771.890	160.273.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	624.074.488	90.407.072
Chi phí khác	1.807	5.985
Cộng	1.093.043.346	285.250.744

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.105.219	1.238.060.376
Chi phí nhân công	6.472.180.991	6.708.463.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	731.469.732	939.675.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.581.591.271	2.782.808.608
Chi phí khác	9.487.575.559	11.410.435.073
Cộng	19.562.922.772	23.079.442.336

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán cổ phiếu chưa thu tiền	2.712.311.800	-
Chuyển khoản phải thu tiền cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM thành góp vốn vào Công ty này	609.000.000	-
Bán khoản vốn đầu tư trong Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM chưa thu tiền	13.500.000.000	-
Lãi tiền cho vay chưa thu	4.444.444	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trích trước chưa thu	319.962.500	-
Cộng	17.145.718.744	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong kỳ, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (cùng kỳ năm trước cũng không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	657.547.000	696.024.545
Tiền thưởng	328.110.000	399.100.000
Thù lao	122.000.000	575.000.000
Cộng	1.107.657.000	1.670.124.545

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty mẹ
Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	Công ty liên kết (Đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp từ ngày 30 tháng 6 năm 2015)
Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến	Công ty cùng đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến	Công ty có liên quan với Công ty cùng đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại thuyết minh VI.1b, các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên		
<i>Cổ tức</i>	9.378.600.000	6.699.000.000
Công ty Cổ phần Vĩnh Tiến		
<i>Chiết khấu mua hàng</i>	543.879.688	-
<i>Mua hàng</i>	1.710.059.008	5.021.624.147
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Tiến		
<i>Mua hàng</i>	-	21.520.564.847

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt theo Điều lệ Công ty.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại (chủ yếu là lĩnh vực điện tử và văn phòng phẩm) và trong một khu vực địa lý chủ yếu là lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới

Việc áp dụng qui định kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu khác là thấp do nhiều khoản đã được thu hồi sau ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc đã được lập dự phòng 100%.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.126.210.097	-	-	95.126.210.097
Phải thu khách hàng	81.968.723.787	22.492.889.349	5.032.918.220	109.494.531.356
Các khoản phải thu khác	26.350.239.713	-	3.210.000.000	29.560.239.713
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	60.000	-	21.251.981.370	21.252.041.370
Cộng	203.445.233.597	22.492.889.349	29.494.899.590	255.433.022.536
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	94.627.556.761	-	-	94.627.556.761
Phải thu khách hàng	42.279.082.352	29.235.654.906	4.898.279.975	76.413.017.233
Các khoản phải thu khác	13.006.030.071	-	3.210.000.000	16.216.030.071
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.182.788.448	-	21.303.786.370	29.486.574.818
Cộng	158.095.457.632	29.235.654.906	29.412.066.345	216.743.178.883

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn dưới 6 tháng	18.792.618.537	29.235.654.906
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	3.700.270.812	-
Cộng	22.492.889.349	29.235.654.906

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.417,49	4.219,09
Phải trả người bán	(348.650,00)	(239.480,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(343.232,51)	(235.260,91)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 97.982.775.912 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 76.212.534.363 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 44.500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và 35.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này (xem Thuyết minh V.1), Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.126.210.097	94.627.556.761	95.126.210.097	94.627.556.761
Phải thu khách hàng	109.494.531.356	76.413.017.233	104.617.499.553	72.736.509.173
Các khoản phải thu khác	35.346.146.672	16.246.556.221	32.136.146.672	13.036.556.221
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.252.041.370	29.486.574.818	15.002.644.222	23.052.638.770
Cộng	261.218.929.495	216.773.705.033	246.882.500.544	203.453.260.925
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	97.982.775.912	76.212.534.363	97.982.775.912	76.212.534.363
Phải trả người bán	32.918.851.938	20.813.966.032	32.918.851.938	20.813.966.032
Các khoản phải trả khác	3.780.861.352	5.983.845.067	3.780.861.352	5.983.845.067
Cộng	134.682.489.202	103.010.345.462	134.682.489.202	103.010.345.462

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Văn phòng Công ty tại TP. Hồ Chí Minh sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2015


Huỳnh Bảo Khánh
Người lập biểu


Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng


Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	95.699.000.000	149.863.388.543	28.643.029.905	274.205.418.448
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	8.356.335.321	8.356.335.321
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(9.569.900.000)	(9.569.900.000)
Số dư cuối kỳ trước	95.699.000.000	149.863.388.543	27.429.465.226	272.991.853.769
Số dư đầu năm	95.699.000.000	147.214.109.765	20.749.406.458	263.662.516.223
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	6.614.318.656	6.614.318.656
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(13.397.860.000)	(13.397.860.000)
Số dư cuối kỳ này	95.699.000.000	147.214.109.765	13.965.865.114	256.878.974.879

Đơn vị tính: VND

Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2015



Tổng Giám đốc
Vũ Quốc Vinh

Kế toán trưởng
Phạm Thủy Oanh

